

Số: 2630/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh “Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019 -2025 và định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/03/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4669 /TTr-STNMT ngày 18/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh “Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019 -2025 và định hướng đến năm 2030”, với các nội dung như sau:

2.1. Đối với quan trắc môi trường nước mặt lục địa (quan trắc định kỳ):

Điều chỉnh tên một số thông số, tần suất quan trắc như sau:

Nội dung theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 và Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
5.1. Quan trắc môi trường nước mặt lục địa:	5.1. Quan trắc môi trường nước mặt lục địa (theo QCVN 08:2023/BTNMT là quan trắc chất lượng môi trường nước mặt):	Điều chỉnh tần suất quan trắc, tên thông số hóa chất bảo vệ thực vật.
b) Tần suất quan trắc: 6 lần/năm (định kỳ 02 tháng/lần)	b) Thông số quan trắc và tần suất - Nhóm 1: Các thông số ảnh hưởng	Lý do: Cho phù hợp QCVN:2023/BTNMT

Nội dung theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 và Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
c) Thông số quan trắc: - Nhóm 1: 15 thông số gồm pH, Ôxy hòa tan (DO), TOC, TSS, COD, BOD₅ (20°C), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Tổng phosphor (TP), Tổng Nitơ (TN), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Sắt (Fe), Crom VI (Cr₆⁺), Chloride (Cl⁻), Tổng Coliform, Coliform chịu nhiệt, E.Coli. - Nhóm 2: 05 thông số hóa chất bảo vệ thực vật gồm Aldrin, Dieldrin, Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT), Heptachlor và Heptachlor epoxide.	tới sức khoẻ con người (Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT): + Thông số: Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Sắt (Ferrum) (Fe), E.Coli, Chloride (Cl⁻), Aldrin (C₁₂H₈C₁₆), Dieldrin (C₁₂H₈C₁₆O), Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) (C₁₄H₉C₁₅), Heptachlor và Heptachlorepoxyde (C₁₀H₅C₁₇ & C₁₀H₅C₁₇O). + Tần suất quan trắc: Tối thiểu là 6 lần/năm. - Nhóm 2: Các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT): + Thông số: pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Ôxy hòa tan (DO), Tổng phosphor (TP), Tổng Nitơ (TN), Tổng Coliform, Coliform chịu nhiệt. + Tần suất quan trắc: Tối thiểu là 10 lần/năm.	Điều chỉnh <i>tần suất quan trắc, tên thông số hóa chất bảo vệ thực vật.</i> Lý do: Cho phù hợp QCVN:2023/BTNMT

2.2. Đối với quan trắc môi trường nước dưới đất (quan trắc định kỳ)

Điều chỉnh thông số quan trắc như sau:

Nội dung theo Quyết định số 557/QĐ-UBND	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
c) Thông số quan trắc: 18 thông số gồm pH, <u>nhiệt độ</u>, <u>EC</u>, TDS, Độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃), Clorua (Cl⁻), Sulfat (SO₄²⁻), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Sắt (Fe), Mangan (Mn), Cadimi (Cd), As (As), Crom VI (Cr₆⁺), Ecoli, coliform.	c) Thông số quan trắc: 16 thông số gồm pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃), chỉ số permanganate, Cloride (Cl⁻), Sulfat (SO₄²⁻), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Sắt (Fe), Mangan (Mn), Cadimi (Cd), Arsenic (As), Crom VI (Cr₆⁺), E.Coli, Tổng Coliform.	Loại bỏ thông số <i>nhiệt độ, độ dẫn điện (EC)</i>. Lý do: Không có Quy chuẩn Việt Nam để so sánh.

2.3. Quan trắc môi trường đất (quan trắc định kỳ)

Điều chỉnh thông số quan trắc như sau:

Nội dung theo Quyết định số 557/QĐ-UBND	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
c) Thông số quan trắc: - Đối với khu vực đất chuyên trồng lúa, rau màu, cây ăn quả, gồm: + 06 thông số thành phần dinh dưỡng gồm pH, độ ẩm, Tổng K, Tổng N, Tổng P, cacbon hữu cơ; + <u>06 thông số</u> hóa chất bảo vệ thực vật gồm <u>Diazinon</u>, <u>Dimethoate</u>, <u>2,4D</u>, Aldrin, Dieldrin, <u>Cypermethrin</u>. - Đối với đất gần khu vực khu công nghiệp, cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất: 06 thông số gồm Đồng (Cu), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Cadimi (Cd), Asen (As), Crom (Cr).	c) Thông số quan trắc: - Đối với khu vực đất chuyên trồng lúa, rau màu, cây ăn quả, gồm: + 06 thông số thành phần dinh dưỡng gồm pH, độ ẩm, Tổng K, Tổng N, Tổng P, cacbon hữu cơ; + <u>02 thông số</u> hóa chất bảo vệ thực vật gồm <u>Aldrin</u>, <u>Dieldrin</u>. - Đối với đất gần khu vực khu công nghiệp, cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất: 06 thông số gồm Đồng (Cu), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Cadimi (Cd), Asen (As), Crom (Cr).	Thông số hóa chất bảo vệ thực vật: Loại bỏ 04 thông số <u>Diazinon</u>, <u>Dimethoate</u>, <u>2,4D</u>, <u>Cypermethrin</u>. Lý do: Không có Quy chuẩn Việt Nam để so sánh.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030 và các nội dung điều chỉnh nêu trên theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. TU, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 90.KT-NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH